

Bản án số: 19/2018/HSST
Ngày: 23/10/2018

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E , TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Trung Thành

2. Ông Phạm Thanh Hùng.

- Th- ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện E, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/HSST ngày 14/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Đăng A - Sinh năm 1995. Tên gọi khác: **O**; Nơi ĐKNKTT: Làng **B**, xã **C**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Làng **B**, xã **C**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Mường; con ông: Bùi Đăng **F** và bà Phạm Thị **K**; tiền sự: không, tiền án: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện **E** xử phạt 09 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội: *Trộm cắp tài sản* tại bản án số 02/2018/HSST ngày 07/3/2018, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân: Tại bản án HSST số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018 Bùi Đăng **A**(tên gọi khác: **Lây**) bị xử phạt 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 02/2018/HSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 31(Ba mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 28/5/2018.

Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị hại: Anh Đinh Văn **G** - Sinh năm 1975. Có mặt
Trú tại: Thôn **H**, xã **I**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/4/2018 Bùi Đức **K** ở Thôn **L**, xã **C**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa đi bộ từ nhà mình sang nhà Bùi Đăng **A** ở Làng **B**, xã **C**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi qua nhà anh Bùi Lương **M** ở Làng **B**, xã **C**, huyện **E**, **K** phát hiện thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu UIMI màn hình cảm ứng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 màu trắng của anh Phạm Hùng Dũng và Phạm Ngọc **G** đều ở Làng **B**, xã **C**, huyện **E** để ở bàn uống nước nhà anh Việt không có ai trông giữ, nên **K** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. **K** đã lén lút đi vào bàn uống nước nhà anh Việt lấy trộm 02 chiếc điện thoại trên và mang về nhà cất giấu.

Quá trình điều tra Bùi Đức **K** khai nhận toàn bộ hành vi của mình và đã tự giác giao nộp 02 chiếc điện thoại trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện **E**. Quá trình mở rộng điều tra vụ án, Bùi Đức **K** đã khai nhận ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, **K** còn cùng với Bùi Đăng **A** (tức Lây) ở Làng **B**, xã **C** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác cụ thể như sau: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/4/2018 **K** và **A** cùng đi trên 01 chiếc mô tô do **A** điều khiển trên đường từ xã Thạch Lập về xã **I**. Khi đi qua Cửa hàng tạp hóa của nhà anh Đình Văn An ở Thôn **H**, xã **I**, huyện **E**, **K** phát hiện trong quán có nhiều tài sản nhưng không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, **K** bảo **A** dừng xe sau đó **K** lén lút đi vào trong Cửa hàng và trộm 01 chiếc cân đồng hồ lò xo loại cân được trọng lượng 100kg đem ra đặt lên yên xe mô tô mà **A** đang đứng nổ máy chờ sẵn ở phía ngoài. Sau đó **A** điều khiển xe mô tô chở **K** ôm cân phía sau phóng nhanh về nhà **K** cất giấu. Ngày 02/6/2018 **K** đã tự nguyện giao nộp chiếc cân đồng hồ trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện **E**. Quá trình điều tra Bùi Đăng **A** đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình cùng với Bùi Đức **K**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL – HĐĐG ngày 23/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện **E** kết luận: Chiếc điện thoại di động Nokia 1202 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 200.000đ, chiếc điện thoại di động UIMI có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 500.000đ. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại là 700.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL – HĐĐG ngày 23/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện **E** kết luận: Chiếc cân bàn đồng hồ lò xo loại 100kg nhãn hiệu NHƠN HÒA, màu xanh, sản xuất tháng 12/2016, số cân 236992 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 925.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 và 01 chiếc điện thoại di động UIMI, Cơ quan CSĐT Công an huyện **E** đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Phạm Hùng Khuê và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc cân bàn đồng hồ lò xo loại 100kg, Cơ quan CSĐT Công an huyện **E** đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đình Văn **G** và anh **G** không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc mô tô mà **K** và **A** dùng để đi trộm cắp chiếc cân đồng hồ. Theo lời khai của Bùi Đăng **A** thì đó là chiếc xe của **K**, hiện nay **K** đã bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện **E** chưa đủ căn cứ để xác minh và thu giữ

chiếc xe mô tô trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện E sẽ tiến hành điều tra và xử lý sau.

Trong quá trình điều tra, Bùi Đức K đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 05/7/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã ra Quyết định truy nã bị can số 02 đối với K. Tuy nhiên, đến nay do đã hết thời hạn điều tra vẫn chưa xác định được K đang ở đâu, nên ngày 27/8/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 02/QĐ – CSĐT và Quyết tạm đình chỉ điều tra vụ án số 05/CSĐT ngày 27/8/2018, Quyết định tách vụ án hình sự số 01/CSĐT ngày 27/8/2018 đối với Bùi Đức K, khi nào bắt được K sẽ tiến hành xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 17/CT- VKSNL ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo: Bùi Đăng A(Lây) về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về căn cứ pháp luật và mức hình phạt: VKS đề nghị xét xử đối với bị cáo:

- Căn cứ pháp luật: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Tổng hợp với 31 tháng tù của bản án số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện E và trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt.

- Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Bùi Đăng A thừa nhận hành vi: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/4/2018 Bùi Đăng A và Bùi Đức K đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản để lén lút trộm cắp tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Vật chứng của vụ án: Chiếc cân bàn đồng hồ lò xo loại 100kg, nhãn hiệu NHON HÒA màu xanh, sản xuất tháng 12/2016, số cân 236992.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tuy giá trị tài sản chỉ có 925.000đ, nhưng bị cáo Bùi Đăng A bị Tòa án nhân dân huyện E xử phạt 09 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội: *Trộm cắp tài sản* tại bản án số 02/2018/HSST ngày 07/3/2018, bị cáo chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Bùi Đăng A có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và khung hình phạt đ- ợc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Xét tính chất vụ án*: Trong vụ án này bị cáo giữ vai trò giúp sức cho K. K và bị cáo lợi dụng lúc chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị của ng- ời bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội: Trộm cắp tài sản, bị cáo không chịu cải sửa mà tiếp tục phạm tội cùng loại, thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ng- ời khác, gây mất trật tự trị an chung, nên cần phải đ- ợc xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

Với tính chất của vụ án thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

Khi l- ợng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018 bị cáo Bùi Đăng A bị xử phạt 22 (Hai mươi hai) tháng tù về tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 02/2018/HSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 31(Ba mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 28/5/2018. Hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy buộc bị cáo pA chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 16/2018/HSST đến ngày 22/10/2018 là 04 tháng 28 ngày(Từ ngày 28/5/2018 đến ngày 22/10/2018), được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[4] *Về phần bồi th- ờng thiệt hại*:

Theo báo cáo của ng- ời bị hại tài sản bị bị cáo và K chiếm đoạt đã đ- ợc nhận lại, không yêu cầu gì thêm, nên công nhận.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo công ăn việc làm không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về án phí HSST*: Bị cáo pA chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đăng A(tên gọi khác: Lây) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

□p dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đăng A(tên gọi khác: Lây) 06(Sáu) tháng tù. Tổng hợp với 31 tháng tù của bản án số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 37(Ba mươi bảy) tháng tù, nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã chấp hành là 04 tháng 28 ngày tù của bản án số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018(Từ ngày 28/5/2018 đến ngày 22/10/2018), thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là 32 tháng 02 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tuyên án.

Về phân bồi thường thiệt hại: Công nhận người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt.

Về án phí HSST: □p dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pA thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND huyện E;
- Chi cục THA DS huyện E;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Tại phiên tòa bị cáo Vì Anh Đức thừa nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2017 Vì Anh Đức - sinh năm 1983 đã thực hiện hành vi dùng tay sờ mó, xoa vào bộ phận sinh dục (âm hộ) của cháu Phạm Thị Thanh Tâm, sinh ngày 09/5/2010, tại gia đình Vì Anh Đức ở thôn Kiên Minh, xã Kiên Thọ, huyện E.

Trong vụ án này, bị cáo chỉ dùng tay sờ mó bộ phận sinh dục của người bị hại nhằm thỏa mãn dục vọng của mình, chứ không có mục đích giao cấu với người bị hại.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ TNHS vì bị cáo rất hối hận, nhận thức rõ đ- ợc những sai phạm của mình và hứa sẽ cải tạo tốt để trở thành công dân có ích.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì Anh Đức phạm tội: “*Dâm ô đối với trẻ em*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 116 BLHS năm 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội, trái với đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm ảnh h- ớng xấu đến đời sống văn hoá, trật tự trị an, gây ra nhiều hậu quả khôn l- ờng, làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ em. Do vậy hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, bị cáo là ng- ời dân tộc M- ờng; có bố là ng- ời có công với cách mạng đ- ợc tặng th- ờng Huy ch- ơng kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên căn cứ các tình tiết quy định tại điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo ch- a có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi c- trú ổn định; vì vậy xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo, để cho bị cáo cải tạo tại địa phương d- ới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ý thức tuân theo pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/02/2017 đến ngày 06/02/2017, căn cứ Nghị quyết 01/2013/NQ — HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP TANDTC thì thời gian này không được trừ khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận thống nhất bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Vật chứng: 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm là vật chứng của vụ án, không còn giá trị, nên cần căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999 để tịch thu tiêu hủy.

Về án phí HSST: Do bị cáo là cá nhân hộ nghèo, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo được miễn nộp tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vì Anh Đức phạm tội : “Dâm ô đối với trẻ em”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 116; điểm b,p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vì Anh Đức 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vì Anh Đức cho UBND xã Kiên Thọ, huyện E, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo và gia đình người bị hại đã giải quyết xong phần bồi thường thiệt hại.

Vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; khoản 1 điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/4/2017 và phiếu xuất kho số NK 010 ngày 18/4/2017).

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đức.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
